

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20, đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Giữa niên độ năm tài chính năm 2019

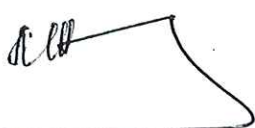
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	65,855,607,482	79,936,256,417	130,455,177,014	146,671,520,332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65,855,607,482	79,936,256,417	130,455,177,014	146,671,520,332
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46,140,584,068	60,982,112,425	86,568,427,315	103,410,669,552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19,715,023,414	18,954,143,992	43,886,749,699	43,260,850,780
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	579,583,369	174,580,794	728,794,349	530,694,855
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,179,572,975	1,291,293,572	2,808,186,717	2,498,819,722
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,179,174,012	1,291,293,572	2,807,787,754	2,498,819,722
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	225,788,181	816,433,636	1,162,991,298	1,123,395,527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,226,490,230	9,312,917,409	17,060,785,808	17,621,668,476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,662,755,397	7,708,080,169	23,583,580,225	22,547,661,910
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1	10,740,320	85,003	12,000,604
12. Chi phí khác	32	VI.8	17,437	6	17,439	113,413
13. Lợi nhuận khác	40		(17,436)	10,740,314	67,564	11,887,191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,662,737,961	7,718,820,483	23,583,647,789	22,559,549,101
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,044,047,361	1,593,777,375	4,673,996,247	4,566,492,599
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,618,690,600	6,125,043,108	18,909,651,542	17,993,056,502
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		539	434	1,303	1,274

Người lập biểu

  
Nguyễn Việt Hà

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Minh Hương

Bình Dương, ngày ... tháng 07 năm 2019

Giám đốc

  
Nguyễn Thành Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước (*)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		157,252,811,035	166,052,589,253
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(74,708,802,188)	(84,791,119,457)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(19,109,591,302)	(22,158,740,067)
4. Tiền chi trả lãi vay		(2,752,640,534)	(2,578,974,489)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		(5,489,519,152)	(4,022,994,675)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24,457,695,738	154,296,249,268
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(36,291,716,817)	(60,336,509,019)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>43,358,236,780</i>	<i>146,460,500,814</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(129,386,064,412)	(4,923,291,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	770,700,338	513,007,740
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(128,615,364,074)</i>	<i>(4,410,283,260)</i>

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		106,780,114,072	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9,035,145,375)	(98,133,894,294)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21,521,463,300)	(21,521,418,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76,223,505,397	(119,655,312,594)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9,033,621,897)	22,394,904,960
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40,177,762,653	20,458,215,711
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6,366,559	15,348,768
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31,150,507,315	42,868,469,439

Người lập biểu



Nguyễn Viết Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hương

Bình Dương, ngày tháng 07 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94,947,070,515</b>	<b>123,164,477,627</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31,150,507,315</b>	<b>40,177,762,653</b>
1. Tiền	111		20,300,048,127	14,332,184,005
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,850,459,188	25,845,578,648
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55,908,627,870</b>	<b>82,230,694,465</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38,105,032,333	48,194,538,158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	306,823,382	17,730,101,567
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17,496,772,155	16,306,054,740
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>49,877,090</b>	<b>49,877,090</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	49,877,090	49,877,090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,838,058,240</b>	<b>706,143,419</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	7,838,058,240	706,143,419
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>432,961,712,244</b>	<b>274,571,938,634</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>60,619,268,480</b>	<b>60,619,268,480</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	60,619,268,480	60,619,268,480
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>303,826,590,788</b>	<b>121,769,389,962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	303,328,313,012	121,124,778,852
<i>Nguyên giá</i>	222		435,817,352,824	241,471,887,879
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132,489,039,812)	(120,347,109,027)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	498,277,776	644,611,110
<i>Nguyên giá</i>	228		5,251,521,818	5,251,521,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,753,244,042)	(4,606,910,708)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	-	<b>20,152,920,976</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	20,152,920,976
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18,847,773,081</b>	<b>18,847,773,081</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	12,391,312,981	12,391,312,981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6,456,460,100	6,456,460,100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49,668,079,895</b>	<b>53,182,586,135</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	49,668,079,895	53,182,586,135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>527,908,782,759</b>	<b>397,736,416,261</b>

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>372,599,065,204</b>	<b>236,845,313,760</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139,317,170,509</b>	<b>108,127,108,737</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	49,396,638,727	51,111,388,445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	1,451,104,423	2,858,028,405
4. Phải trả người lao động	314	V.19	9,509,785,389	9,945,869,137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	53,123,652,874	14,959,402,882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	1,096,137,900	365,379,300
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	10,191,823,090	12,680,223,252
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	13,355,811,638	14,098,145,801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	1,192,216,468	2,108,671,515
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>233,281,894,695</b>	<b>128,718,205,023</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.25	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	112,274,679,940	108,196,998,340
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	121,007,214,755	20,521,206,683
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>155,309,717,555</b>	<b>160,891,102,501</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.28</b>	<b>155,309,717,555</b>	<b>160,891,102,501</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,849,376,643	8,958,411,489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,373,620,912	31,845,971,012
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10,191,382,255	31,845,971,012
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,182,238,657	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>527,908,782,759</b>	<b>397,736,416,261</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày ... tháng 07 năm 2019

Giám đốc

Nguyễn Viết Hà

Nguyễn Thị Minh Hương

Nguyễn Thanh Sơn



## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ kiểm điểm; dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; dịch vụ xuất nhập khẩu uỷ thác; dịch vụ khai thuế hải quan (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ Quy định về điều kiện và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan);
- Dịch vụ phân phối hàng nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sửa chữa container, Vệ sinh container; Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	Đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải, kho bãi	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải và thuê tàu	20%	20%	20%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 154 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 154 nhân viên).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.070.314.107	3.421.734.630
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.229.734.020	10.910.449.375
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) <sup>(i)</sup>	10.850.459.188	25.845.578.648
<b>Cộng</b>	<b>31.150.507.315</b>	<b>40.177.762.653</b>

<sup>(i)</sup> Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng theo Hợp đồng tiền gửi số 9/HDD2017-VCBBD ngày 18 tháng 01 năm 2017 có giá trị là 5.700.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh V.17).

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	12.391.312.981			12.391.312.981		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương <sup>(i)</sup>	11.440.000.000			11.440.000.000		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam <sup>(ii)</sup>	951.312.981		951.312.981	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.456.460.100	11.870.447.600	6.456.460.100	12.122.937.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(iii)</sup>	6.456.460.100	11.870.447.600	6.456.460.100	12.122.937.400
<b>Cộng</b>	<b>18.847.773.081</b>		<b>18.847.773.081</b>	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam 480.000.000 VND (48.000 cổ phần) tương đương 20% vốn điều lệ. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 951.312.981 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ cam kết góp.
- (iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 567.964 cổ phiếu (số đầu năm là 477.281 cổ phiếu, số tăng trong năm 2018 do được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 90.683 cổ phiếu).

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.367.368.178</b>	<b>2.346.966.147</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	701.918.863	673.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	562.926.073	1.263.661.827
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	102.523.242	79.056.362
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng		331.047.958
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>36.737.664.155</b>	<b>45.847.572.011</b>
Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam	9.189.209.883	9.483.689.042
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	3.917.508.171	2.828.283.044

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	5.401.721.880	7.661.875.925
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Dương Minh	1.783.529.034	2.884.396.252
Công ty Cổ phần Marico South East Asia	1.502.904.490	1.776.644.339
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Isa Việt Nam		1.462.989.916
Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Logitem Việt Nam	2.297.835.540	2.297.835.540
Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh		1.049.320.066
Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng	277.014.709	1.694.469.715
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	1.310.997.265	4.134.643.043
Công Ty TNHH SG Sagawa Việt Nam	2.017.347.079	
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Phát Triển Logistics Toàn Cầu Bình Thuận	1.440.988.800	591.112.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu	1.435.552.637	3.635.552.637
Các khách hàng khác	7.530.422.845	6.346.759.992
<b>Cộng</b>	<b>38.105.032.333</b>	<b>48.194.538.158</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>306.823.382</b>	<b>17.730.101.567</b>
Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất		17.689.786.567
Cty TNHH Thương Mại Phước An	191.688.882	
Cty CP Đầu Tư Thương Mại Dv Du Lịch Đất Việt	69.577.500	
Công Ty TNHH XD TM KT Thái Hà	45.557.000	40.315.000
<b>Cộng</b>	<b>306.823.382</b>	<b>17.730.101.567</b>

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>5.198.338.610</b>		<b>10.865.101.213</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng				
- Lãi hợp tác kinh doanh	1.740.988.348		3.094.492.516	
- Thu khấu hao hàng năm – Hợp đồng hợp tác kinh doanh bãi <sup>(i)</sup>	180.512.201		361.024.402	
- Thu khấu hao hàng năm – Hợp đồng hợp tác kinh doanh kho DHL <sup>(ii)</sup>	3.276.838.061		7.409.584.295	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.064.646.826</b>		<b>5.440.953.527</b>	
Phải thu nhiên liệu đội cơ giới	63.021.158		60.218.556	
Tạm ứng	1.881.756.572		468.500.000	
Phải thu phần thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	1.818.181.818		1.881.662.316	
Ký cược, ký quỹ	374.000.000		688.000.000	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	24.942.568		73.215.116	
Dự thu tiền thuê kho 23 (K/H ITL)	5.659.720.000			
Các khoản chi hộ	2.243.024.710		2.269.357.539	
Công ty TNHH Kimberly Clark Việt Nam - Chi hộ hãng tàu			41.458.527	
Công ty TNHH Kimberly Clark Việt Nam - Chi hộ thuế			266.108.893	
Công ty TNHH MTV Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng- Chi hộ hãng tàu	53.331.640		105.685.972	
Công ty TNHH MTV Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng- Chi hộ thuế	271.624.270		1.144.641.599	
Công ty TNHH Nissin Logistics (VN) - Chi hộ phí nâng hạ	1.114.669.799		683.907.235	
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kasee Việt Nam	542.006.724			
Chi hộ các đối tượng khác	261.392.277		27.555.313	
<b>Cộng</b>	<b>17.262.985.436</b>		<b>16.306.054.740</b>	

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>32.132.268.480</b>		<b>32.132.268.480</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	32.132.268.480		32.132.268.480	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh bãi IDI <sup>(i)</sup>	2.919.874.687		2.919.874.687	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh kho DHL <sup>(ii)</sup>	29.212.393.793		29.212.393.793	
<b>Phải thu các tổ chức khác</b>	<b>28.487.000.000</b>		<b>28.487.000.000</b>	
Các khoản ký cược, ký quỹ	28.487.000.000		28.487.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>60.619.268.480</b>		<b>60.619.268.480</b>	

- <sup>(i)</sup> Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2408/IDI-KHKD ngày 24 tháng 8 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và khai thác bãi container tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

là Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương. Theo Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10A/PLHD-TCIDI ngày 17 tháng 01 năm 2017, thời hạn hợp tác là 10 năm. Khi hết thời hạn hợp tác, nếu Bộ Quốc phòng không có nhu cầu thu hồi đất thì hợp đồng hợp tác kinh doanh tiếp tục được gia hạn để khai thác.

- (ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 về việc Đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên A), Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (bên B) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (bên C). Thời hạn hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn giao cơ sở hạ tầng cho bên A. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 38.196.978.088 VND, tương đương 35% tổng vốn đầu tư của dự án.

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.877.090		49.877.090	

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	40,692,431,061	43.558.095.219
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	8,975,648,834	9.624.490.916
<b>Cộng</b>	<b>49,668,079,895</b>	<b>53,182,586,135</b>

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	209.173.584.204	12.286.442.015	19.788.861.660	223.000.000	241.471.887.879
Mua trong kỳ		60.000.000			60.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	194.285.464.945				194.285.464.945
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>403.459.049.149</b>	<b>12.346.442.015</b>	<b>19.788.861.660</b>	<b>223.000.000</b>	<b>435.817.352.824</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.000.000	4.712.700.700	4.003.112.481		8.777.813.181
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	97.704.219.749	8.594.343.427	14.000.229.193	48.316.658	120.347.109.027
Khấu hao trong kỳ	10.448.833.175	727.419.165	943.378.449	22.299.996	12.288.264.119
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>108.294.369.598</b>	<b>9.228.762.576</b>	<b>14.943.607.642</b>	<b>70.616.654</b>	<b>132.489.039.812</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	111.469.364.455	3.692.098.588	5.788.632.467	174.683.342	121.124.778.852
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>295.164.679.551</b>	<b>3.117.679.439</b>	<b>4.845.254.018</b>	<b>152.383.346</b>	<b>303.328.313.012</b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 38.259.456.997 VND đã được thể chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Nam Bình Dương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	5.251.521.818	(4.606.910.708)	644.611.110
Tăng do mua sắm trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		(146.333.334)	
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.251.521.818</b>	<b>4.753.244.042</b>	<b>498.277.776</b>

Trong đó:

Nguyên giá chương trình phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.369.521.818 VND.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình nhà kho 23	20.152.920.976	174.132.543.969	194.285.464.945	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
<b>Cộng</b>	<b>20.152.920.976</b>	<b>174.132.543.969</b>	<b>194.285.464.945</b>	

**11. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>33.988.640.902</b>	<b>25.905.687.618</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	32.786.645.844	22.298.941.789
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Bình Dương	527.941.460	2.325.677.761
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	195.929.000	26.460.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	478.124.598	478.124.598
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC		1.850.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		743.325.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		31.308.470
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>15.407.997.825</b>	<b>25.205.700.827</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	1.408.273.600	1.361.136.680
Công ty TNHH Thanh Long	1.760.436.433	2.789.939.606
Công ty TNHH V.A.S	38.580.820	1.344.045.501
Công Ty Cổ Phần Phụ Kiện Và Nhà Thép Nhất	5.625.993.834	
Công Ty Cổ Phần Kho Bãi Trung Thành	997.016.810	998.940.250
Các nhà cung cấp khác	5.577.696.328	18,711,638,790
<b>Cộng</b>	<b>49.396.638.727</b>	<b>51.111.388.445</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		706.143.419	(7.005.911.163)			7.712.054.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.701.874.416		4.238.749.159	(5.489.519.152)	1.451.104.423	
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên hợp tác kinh doanh nộp hộ			435.247.088	(435.247.088)		
Thuế thu nhập cá nhân	156.153.989		768.534.056	(1.050.691.703)		126.003.658
Các loại thuế khác			3.000.000	(3.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>2.858.028.405</b>	<b>706.143.419</b>	<b>(1.058.400.461)</b>	<b>(6.978.457.943)</b>	<b>1.451.104.423</b>	<b>7.838.058.240</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5 %
- Các dịch vụ khác 10 %

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.583.647.789	22.559.549.101
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	120.000.000	575.912.402
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền cuối kỳ này		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối kỳ trước thực hiện trong năm nay	13.478.406	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối kỳ của tiền	(6.366.559)	(15.348.768)
Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện trong		(1.281.141)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<i>kỳ này</i>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập chịu thuế	23.710.759.636	23.118.831.594
Thu nhập được miễn thuế	(340.778.400)	(286.368.600)
Thu nhập tính thuế	23.369.981.236	22.832.462.994
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.673.996.247</b>	<b>4.566.492.599</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.673.996.247</b>	<b>4.566.492.599</b>
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động hợp tác liên doanh	435.247.088	454.957.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp tại Công ty	4.238.749.159	4.111.535.469

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.356.160.538</b>	<b>14.158.797.764</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn		
Chi phí thuê đất	1.263.076.428	2.526.152.515
Phí tư vấn quản lý	861.037.044	117.676.782
Chi phí thuê tài sản trên đất	5.512.047.066	11.024.094.131
Chi phí thuê vỏ cont		231.060.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - chi phí bốc xếp	720.000.000	259.814.336
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>800.605.118</b>
Chi phí lãi vay phải trả	123.796.936	68.649.716
Chi phí vận chuyển đường sắt		39.341.818
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.732.675.506	692.613.584
Chi phí xây dựng công trình kho 23 (50.000 m2)	35.267.190.597	
<b>Cộng</b>	<b>53.123.652.874</b>	<b>14.959.402.882</b>

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương – Tiền trả trước về cho thuê tài sản	1.096.137.900	365.379.300

**15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>2,265,007,001</b>	<b>4.530.014.003</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng – Phải trả tiền thu hộ hợp tác kinh doanh	2.265.007.001	4.530.014.003
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>8.150.209.249</b>
Kinh phí công đoàn	272.545.086	197.834.100
Bảo hiểm xã hội	786.210.223	520.112.369
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.868.060.780	7.087.560.780
Thù lao HĐQT, Ban quản lý điều hành		325.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		18.902.000
<b>Cộng</b>	<b>10.191.823.090</b>	<b>12.680.223.252</b>

**15b. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức khác, chi tiết như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Logitem Việt Nam	27.407.600.710	27.407.600.710
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	767.250.000	767.250.000
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	6.420.612.000	2.342.930.400
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Bình Dương	401.917.230	401.917.230
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Toàn Thắng	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Dương Minh	1.570.500.000	1.570.500.000
Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.576.800.000	1.576.800.000
Công ty Cổ phần ADDED - VALUE	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH ITL Bình Dương	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	350.000.000	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>112.274.679.940</b>	<b>108.196.998.340</b>

**15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		<b>46.132.661.777</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	767.599.638	1.509.933.801
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	767.599.638	1.509.933.801
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	12.588.212.000	12.588.212.000
<b>Cộng</b>	<b>13.355.811.638</b>	<b>14.098.145.801</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,8%, thời hạn vay không quá 2 tháng, hạn mức là 40 tỷ.

**16b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	1.773.957.891	3.613.957.891
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương <sup>(ii)</sup>	5.003.142.792	7.147.248.792
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	114.230.114.072	9.760.000.000
<b>Cộng</b>	<b>121.007.214.755</b>	<b>20.521.206.683</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số 152.16.203.180916.TD ngày 26 tháng 1 năm 2016 cho vay thanh toán chi phí đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại số 7/20 đường ĐT743, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 9978.16.130.180916.TD ngày 13 tháng 7 năm 2016 cho vay góp vốn đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ số 720 đường ĐT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 120 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 002D17 ngày 18 tháng 01 năm 2017 cho vay thanh toán chi phí đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng kho 20 mở rộng" tại địa chỉ số 7/20 đường ĐT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 9/HDD2017-VCBBĐ ngày 18 tháng 01 năm 2017.
- (iv) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 16D18 ngày 27 tháng 12 năm 2018 cho vay vốn đầu tư xây dựng kho 23 tại ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ số 720 đường ĐT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 84 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

**16c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN**

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.267.694.410	317.279.157	412.700.000	821.000.000	1.176.673.567
Quỹ phúc lợi	325.434.204	2.841.847.731	5.400.000	3.401.068.654	(233.786.719)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	515.542.901	(275.000.000)		225.000.000	15.542.901
<b>Cộng</b>	<b>2.108.671.515</b>	<b>2.884.126.888</b>	<b>418.100.000</b>	<b>4.447.068.654</b>	<b>958.429.749</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	120.086.720.000	8.958.411.489	31.845.971.012	160.891.102.501
Lợi nhuận trong kỳ này			18.909.651.542	18.909.651.542
Trích lập các quỹ		1.890.965.154	(4.766.392.042)	(2.875.426.888)
Chia cổ tức			(21.615.609.600)	(21.615.609.600)
Thù lao HĐQT, BKS				
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>120.086.720.000</b>	<b>10.849.376.643</b>	<b>24.373.620.912</b>	<b>155.309.717.555</b>

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	61.244.230.000	61.244.230.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	43.533.550.000	43.533.550.000
Các cổ đông khác	15.308.940.000	15.308.940.000
<b>Cộng</b>	<b>120.086.720.000</b>	<b>120.086.720.000</b>

**18c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.008.672	12.008.672
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

*Ngoại tệ các loại*

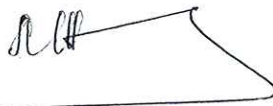
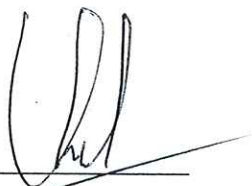
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	91.009,89	81.022,81

Lập, ngày tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Viết Hà

Nguyễn Thị Minh Hương

Nguyễn Thanh Sơn